

Bản án số: 30/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 29-3-2024.
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch.

Ông Đinh Xuân Dậu.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Lê Quỳnh Anh –
Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
tham gia phiên tòa:** Ông Lê Đình Đạo – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 950/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Hồ Thị O**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: **Số nhà D đường B, tổ A, ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.**

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Duy T**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: **Số nhà D đường B, tổ A, ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.**

(Bà **O**, ông **T** vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 27/7/2023 và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn bà **Hồ Thị O trình bày:**

Bà và ông **Nguyễn Duy T** xây dựng gia đình với nhau vào năm **2020**, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai** theo giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 31 tháng 3 năm 2020. Việc kết hôn do bà và ông **T** đều tự nguyện. Nay bà **O** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly

hôn với ông **T**. Nguyên nhân bà **O** yêu cầu ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà và ông **T** đã sống ly thân từ năm 09/2023 đến nay. Hiện bà **O** xác định không còn tình cảm với ông **T**, không thể hàn gắn đoàn tụ được nên yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông **T**.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu **Nguyễn Thiên H**, sinh ngày 20/3/2020 và cháu **Nguyễn Thiên T1**, sinh ngày 25/11/2022. Trong đơn khởi kiện bà **O** có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu **H** và cháu **T1**. Tạm thời không yêu cầu ông **T** cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên nay bà **O** không yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung mà để hai con cho ông **T** nuôi dưỡng. Bà **O** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/2 cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà **O** khai không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bà **O** đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Duy T trình bày:

Ông và bà **Hồ Thị O** sống với nhau từ năm 2019 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **Q**, huyện **T**, tỉnh **Đông Nai** theo giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 31 tháng 3 năm 2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến 4/2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà **O** làm ăn thua lỗ mất hết tài sản, phá hỏng công việc mà ông **T** đang làm và còn mang nợ nần nhiều lần chủ nợ đến tận nhà đòi, ông **T** đã nhiều lần thanh toán nợ giúp bà **O**. Hiện nay hai vợ chồng đã ly thân từ 11/2023. Nay bà **O** xin ly hôn thì ông **T** đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu **Nguyễn Thiên H**, sinh ngày 20/3/2020 và cháu **Nguyễn Thiên T1**, sinh ngày 25/11/2022. Ly hôn ông **T** yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung yêu cầu bà **O** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/2 cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ông **T** đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **O**; Về con chung: Giao 02 con chung là cháu **Nguyễn Thiên H**, sinh ngày 20/3/2020 và cháu **Nguyễn Thiên T1**, sinh ngày 25/11/2022 cho ông **T**

trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, bà **Hồ Thị O** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/2 cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà **Hồ Thị O**, bị đơn ông **Nguyễn Duy T** có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn bà **O** và bị đơn ông **T**.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Hồ Thị O** và ông **Nguyễn Duy T** xây dựng gia đình với nhau 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **Q**, huyện **T**, tỉnh **Đồng Nai** theo giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 31 tháng 3 năm 2020 nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà **O** khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông **T** với lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 11/2023 đến nay không bàn bạc đoàn tụ được. Đồng thời ông **T** cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn và đồng ý ly hôn với bà **O**. Do đó, xác định bà **O** và ông **T** đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **O**, xử cho bà **O** được ly hôn ông **T** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà **O**, ông **T** có 02 con chung là cháu **Nguyễn Thiên H**, sinh ngày 20/3/2020 và cháu **Nguyễn Thiên T1**, sinh ngày 25/11/2022. Ông **T** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Xét thời gian qua ông **T** nuôi con tốt, bà **O** không có ý kiến phản ánh hay yêu cầu gì đối với việc nuôi con chung của ông **T** tại địa phương. Đồng thời bà **O** cũng đồng ý giao hai con chung cho ông **T** nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao con chung là **Thiên H** và **Thiên T1** cho ông **T** tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông **T** yêu cầu bà **O** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/2 cháu nên HĐXX ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà **Hồ Thị O** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 174, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của bà **Hồ Thị O** đối với ông **Nguyễn Duy T**.

Xử cho chị bà **Hồ Thị O** được ly hôn với ông **Nguyễn Duy T**.

Về nuôi con chung: Giao hai con chung là **Nguyễn Thiên H**, sinh ngày 20/3/2020 và cháu **Nguyễn Thiên T1**, sinh ngày 25/11/2022 cho ông **Nguyễn Duy T** trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Bà **Hồ Thị O** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/2 cháu.

Bà **Hồ Thị O** được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, nghĩa vụ cấp dưỡng và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84, Điều 110 và Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày ông **Nguyễn Duy T** có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà **Hồ Thị O** không thanh toán cho ông **Nguyễn Duy T** số tiền cấp dưỡng nêu trên thì bà **Hồ Thị O** phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Bà **Hồ Thị O** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007543 ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà **Hồ Thị O** phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Bà **O** và ông **T** được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND huyện Trảng Bom (1);
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom (1);
- UBND xã Quảng Tiến;
- Các đương sự (2);
- Lưu (3).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Hồng

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Xuân D – Đ

Bùi Thị Bích H1

